TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2023/HS-ST Ngày 24-10-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Văn Tân

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức N, sinh năm 1981 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B (đều đã chết); có vợ là Đỗ Thị B1, sinh năm 1987; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 48/QĐ-XPHC ngày 14/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện K xử phạt về hành vi đánh bạc trái phép; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đỗ Thị B1, sinh năm 1987 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ

Văn D, sinh năm 1955 và bà Ngô Thị B2, sinh năm 1955; có chồng là Lê Đức N, sinh năm 1981; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC ngày 01/7/2021 của Trưởng công an xã T, huyện K xử phạt về hành vi đánh bạc trái phép (được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Vũ Hữu K, sinh năm 1989 tại Hải Phòng; địa chỉ HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký tạm trú và nơi ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện K, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu K1, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị N1, sinh năm 1970; có vợ là Đào Thị Á, sinh năm 1993; có 01 con, sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/8/2023; có mặt.

4. Vũ Hữu C, sinh năm 1994 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu K1, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị N1, sinh năm 1970; có vợ là Đoàn Thị B3, sinh năm 1996; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1969; có vợ là Phạm Thị T2, sinh năm 1990; có 01 con, sinh năm 2020; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 06/2018/HS-ST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc, (đã xóa án tích). Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 117/QĐ-XPHC ngày 16/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện K xử phạt về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, (được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

6. Vũ Lệnh Huy H1, sinh năm 2003 tại Hải Phòng; nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Vũ Lệnh H2, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1972; chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Đ2 (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1958; có vợ là Vũ Thị N2, sinh năm 1989; có 01 con, sinh năm 2011; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lê Thị L1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị P, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Cao Thị T3, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn E, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Phạm Văn T4, anh Vũ Bá T5; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 19/7/2023 Vũ Hữu K gọi điện, trao đổi với Đỗ Thị B1 t người để đánh bạc. Khoảng 20 giờ cùng ngày B1 và K thống nhất, nhóm của B1 và K mỗi bên tìm 02 người để đánh bạc với nhau nhằm mục đích tránh bị gian lận. Sau đó, B1 bảo Lê Đức N (là chồng của B1) tìm 02 người để đánh bạc với nhóm của K nên khoảng 20 giờ 30 phút, N gọi điện rủ Nguyễn Văn Đ1 và Nguyễn Văn T đến đánh bạc. Khiên tìm được Vũ Hữu C và bảo C tìm thêm một người nữa để tham gia đánh bạc cùng. C đồng ý đánh bạc và rủ thêm Vũ Lệnh Huy H13.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, K, C, Đ1, T và H1 đến nhà B1. Tất cả cùng lên tầng 02; C, Đ1, T, H1 cùng thống nhất đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thứ đánh liêng. Quy ước tỷ lệ thắng thua tiền "gà" tức là tiền góp vào đầu ván 200.000 đồng/01 người, mỗi lần góp thêm tiền gà tối thiểu 200.000 đồng/lần, tối đa không vượt quá 2.000.000 đồng/lần và thống nhất trả tiền hồ cho vợ chồng N và B1 200.000 đồng/người/giờ.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày B1 dẫn Bùi Thị P, Lê Thị L1 và Cao Thị T3 lên phòng tầng 02 và ngồi vào chiếu bên cạnh, do trước đó B1 rủ đến nhà để đánh bạc. B1, P, L1, T3 cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm. Quy ước tỉ lệ 20.000 đồng, 40.000 đồng, 60.000 đồng, tương ứng với số tiền người về thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả người về nhất; người nào "cháy" phải trả người về nhất 100.000 đồng, người nào "ù" thì ba người còn lại mỗi người phải trả người "ù" 200.000 đồng và thống nhất ai ù bỏ ra 20.000 đồng cho vợ chồng N và B1. 04 bộ bài, chiếu và nước uống do B1 chuẩn bị để phục vụ đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến 23 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại chiếu bạc thứ nhất: C sử dụng 20.000.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt còn 13.500.000 đồng; Đến sử dụng 5.800.000 đồng, khi bị bắt có 17.500.000 đồng; T sử dụng 9.700.000 đồng, khi bị bắt còn 5.700.000 đồng; H1 sử dụng 9.300.000 đồng, khi bị bắt còn 5.700.000 đồng. Tiền gà thu tại chiếu có 800.000 đồng. Các bị cáo đã bỏ ra 1.600.000 đồng tiền hồ cho vợ chồng N, B1. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 44.800.000 đồng.

Tại chiếu bạc thứ hai: P sử dụng 1.040.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt còn 970.000 đồng; B1 sử dụng 800.000 đồng, khi bị bắt không còn tiền; T3 sử dụng 600.000 đồng, khi bị bắt có 1.250.000 đồng; L1 sử dụng 500.000 đồng, khi bị bắt có 600.000 đồng. Các đối tượng đã bỏ ra 120.000 đồng tiền hồ cho vợ chồng N, B1. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 2.940.000 đồng.

Vật chứng thu giữ đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo vụ án gồm: 04 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ 52 quân bài); 43.200.000 đồng là số tiền thu tại chiếu bạc đánh liêng; 2.820.000 đồng là số tiền thu tại chiếu bạc đánh phỏm; 20.000 đồng tiền hồ bên cạnh chiếu bạc đánh phỏm và 1.700.000 đồng tiền hồ do Lê Đức N giao nộp; 02 chiếc chiếu màu nâu. 01 điện thoại Iphone 14 Promax của Vũ Lệnh Huy H1; 01 điện thoại Iphone 11 Promax của Nguyễn Văn Đ1; 01 điện thoại Iphone 13 Promax của Vũ Hữu C; 01 điện thoại Oppo của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại Samsung A13 màu đen của Lê Đức N; 01 điện thoại Samsung A13 màu xanh của Đỗ Thị B1 .

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSKT ngày 06/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Lê Đức N, Đỗ Thị B1, Vũ Hữu K về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Vũ Hữu C, Nguyễn Văn T, Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lê Đức N mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Đánh bạc".

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt: Đỗ Thị B1 mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

+ Xử phạt: Vũ Hữu K mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Vũ Hữu C mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt: Vũ Lệnh Huy H1 mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 theo nguyên tắc cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo 10% trong thời gian từ 12 tháng đến 15 tháng để sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt: Nguyễn Văn Đ1 mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 theo nguyên tắc cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo

không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo 10% trong thời gian từ 09 tháng đến 12 tháng để sung quỹ Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

+ Phạt tiền các bị cáo Lê Đức N, Đỗ Thị B1, Vũ Hữu K: Mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Hữu C: Mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Vũ Lệnh Huy H1 và Nguyễn Văn Đ1 bị khấu trừ một phần thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền các bị cáo và đối tượng dùng vào đánh bạc gồm: 43.200.000 đồng là số tiền thu tại chiếu bạc đánh liêng; 2.820.000 đồng là số tiền thu tại chiếu bạc đánh phỏm; 20.000 đồng tiền hồ bên cạnh chiếu bạc đánh phỏm; 1.700.000 đồng tiền hồ do Lê Đức N giao nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu điện thoại các bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội: 01 điện thoại Iphone 14 Promax của Vũ Lệnh Huy H1; 01 điện thoại Iphone 11 Promax của Nguyễn Văn Đ1; 01 điện thoại Iphone 13 Promax của Vũ Hữu C; 01 điện thoại Oppo của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại Samsung A13 màu đen của Lê Đức N; 01 điện thoại Samsung A13 màu xanh của Đỗ Thị Bích .

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ E quân bài); 02 chiếc chiếu màu nâu.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều đồng ý và không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng đều tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 23 giờ 40 phút ngày 19/7/2023, tại nhà của Lê Đức N và Đỗ Thị B1 ở thôn H, xã T, huyện K; L, Đỗ Thị B1, Vũ Hữu K đã bàn bạc, sắp xếp, tìm người, rủ rê, chuẩn bị địa điểm và dụng cụ để Vũ Hữu C, Nguyễn Văn T, Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 đánh bạc với tổng số tiền 44.800.000 đồng (vợ chồng N, B1 đã thu 1.700.000 đồng tiền hồ). Như vậy, hành vi của Lê Đức N, Đỗ Thị B1, Vũ Hữu K đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 23 giờ 40 phút ngày 19/7/2023, tại địa điểm như trên; Vũ Hữu C, Nguyễn Văn T, Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền với tổng số tiền là 44.800.000 đồng, bị bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của Vũ Hữu C, Nguyễn Văn T, Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân, là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Về đánh giá vai trò của các bị cáo:

[4.1] Đối với tội "Tổ chức đánh bạc": Bị cáo N và B1 ngoài việc bàn bạc, tìm người, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc còn chuẩn bị địa điểm là nhà ở của mình, chuẩn bị công cụ phương tiện là 04 bộ bài tú lơ khơ và 02 chiếc chiếu, sắp xếp để cả nhóm đánh bạc; đồng thời đã thu tổng số tiền hồ là 1.700.000 đồng. Như vậy, bị cáo N, B1 có vai trò cao ngang nhau. Bị cáo K giúp sức tích cực, bàn bạc, tìm người rủ rê bị cáo khác đến đánh bạc, nên bị cáo K có vai trò thấp hơn.

[4.2] Đối với tội "Đánh bạc": Bị cáo C sử dụng số tiền đánh bạc 20.000.000 đồng nhiều nhất nên có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo T sử dụng số tiền đánh bạc 9.700.000 đồng, bị cáo H1 sử dụng số tiền ít hơn là 9.300.000 đồng, nên vai trò của T và H1 thấp hơn C. Bị cáo Đ1 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất 5.800.000 đồng, nên vai trò của Đ1 là thấp nhất trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tiền sự:

[5.1] Bị cáo Lê Đức N đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện K Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 14/9/2022 về hành vi đánh bạc trái phép; ngày 19/7/2023 Nhiên lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, nên chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[5.2] Bị cáo Đỗ Thị B1 bị Trưởng Công an xã T, huyện K Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 01/7/2021 về hành vi đánh bạc trái phép, đến nay đã hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[5.3] Bị cáo Nguyễn Văn T bị kết án tại Bản án số 06 ngày 12/4/2018, của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc, đã được xóa án tích. Ngày 16/10/2020, T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện K Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Các bị cáo Vũ Hữu C, Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo N và B1 đều đang thờ cúng chú ruột là Liệt sỹ. Bị cáo K và C có ông nội là Liệt sỹ, bố đẻ có thời gian tham gia quân đội. Gia đình các bị cáo B1, K, C đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần cho tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cho bị cáo C, H1, Đ1 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cho bị cáo N, B1, K, C hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt chính: Đây là vụ án đồng phạm, khi quyết định hình phạt Tòa án xét đến tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo; vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Lê Đức N và Nguyễn Văn T, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đồng thời để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Bị cáo Vũ Hữu K, Vũ Hữu C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Đỗ Thị B1 mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo B1, K, C đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đều có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, xét thấy không cần phải bắt các bị cáo B1, K, C chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo, là đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 đều phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú và gia đình quản lý là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo H3 là 400.000 đồng/tháng, bị cáo Đ1 là 500.000 đồng/tháng để sung quỹ Nhà nước.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự; cần phạt tiền các bị cáo: Lê Đức N 20.000.000 đồng, Đỗ Thị B1 20.000.000 đồng, Vũ Hữu K 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng, Vũ Hữu C 10.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước là phù hợp. Đối với bị cáo Vũ Lệnh Huy H1 và Nguyễn Văn Đ1 bị khấu trừ một phần thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Tổng số tiền các bị cáo và đối tượng sử dụng để đánh bạc là 47.740.000 đồng, trong đó: 43.200.000 đồng là số tiền thu tại chiếu bạc đánh liêng; 2.820.000 đồng là số tiền thu tại chiếu bạc đánh phỏm; 20.000 đồng tiền hồ bên cạnh chiếu bạc đánh phỏm và 1.700.000 đồng tiền hồ do Lê Đức N giao nộp; cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10.2] Điện thoại dùng vào việc phạm tội, là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc rủ nhau đánh bạc gồm: 01 điện thoại Iphone 14 Promax của Vũ Lệnh H; 01 điện thoại Iphone 11 Promax của Nguyễn Văn Đ1; 01 điện thoại Iphone 13 Promax của Vũ Hữu C; 01 điện thoại Oppo của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại Samsung A13 màu đen của Lê Đức N; 01 điện thoại Samsung A13 màu xanh của Đỗ Thị B1; cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10.3] 04 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ 52 quân bài); 02 chiếc chiếu màu nâu là công cụ, phương tiện phạm tội; cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Trong vụ án này, các đối tượng Lê Thị L1, Bùi Thị P, Cao Thị T3 tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 2.940.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình. Nhân thân L1, P, T3 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc nên Công an huyện K đã quyết định xử phạt hành chính là đúng pháp luật.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lê Đức N 12 (mười hai) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20/7/2023.

- Phạt bổ sung bị cáo Lê Đức N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20/7/2023.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị B1 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Thị B1 (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Đỗ Thị B1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Vũ Hữu K 12 (mười hai) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Vũ Hữu K 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Hữu K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Vũ Hữu C 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Vũ Hữu C 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Hữu C cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo Đỗ Thị B1, Vũ Hữu K, Vũ Hữu C cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

"Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách".

6. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Vũ Lệnh Huy H1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ (từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

- Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Vũ L2 Huy Hoàng với thời gian 15 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Giao bị cáo Vũ Lệnh Huy H1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng để giám sát và giáo dục.

7. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ (từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

- Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 với thời gian 12 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng để giám sát và giáo dục.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K nhận được quyết định thi hành án.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

"Người chấp hành án cải tạo không giam giữ có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp

hành án cải tạo không giam giữ vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án".

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Đỗ Thị B1, Vũ Hữu K, Vũ Hữu C, Vũ Lệnh Huy H1, Nguyễn Văn Đ1 kể từ ngày tuyên án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 47.740.000đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) (theo ủy nhiệm chi tại kho bạc nhà nước huyện K ngày 10/10/2023).

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Samsung A13 màu đen của Lê Đức N; 01 điện thoại Samsung A13 màu xanh của Đỗ Thị B1; 01 điện thoại Iphone 11 Promax của Nguyễn Văn Đ1; 01 điện thoại Oppo của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh của Vũ Hữu C; 01 điện thoại Iphone 14 Promax của Vũ Lệnh Huy H1; (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

+ Tịch thu tiêu hủy 04 bộ bài tú lơ khơ (mỗi 52 quân bài); 02 chiếc chiếu màu nâu (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Phòng PV06 + PC10 Công an Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Ủy ban nhân dân xã T, xã Đ, xã N, xã M;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà